



# Nỗ lực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững đất nước

TS. NGUYỄN GIANG THU

Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và môi trường  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

**N**gành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) có lĩnh vực quản lý rộng, liên quan đến tài nguyên đất đai, nước, rừng, biển, có vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH). Xác định Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI là cơ sở quan trọng để đẩy mạnh triển khai các hoạt động về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT (Nghị quyết số 24-NQ/TW), Bộ NN&PTNT đã chủ động xây dựng kế hoạch hành động Nghị quyết, cũng như lồng ghép việc thực hiện Nghị quyết vào các hoạt động của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Qua đó, đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong các lĩnh vực công tác, góp phần thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 24-NQ/TW và phát triển bền vững đất nước.

## 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VỚI BĐKH, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BVMT

Quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 28/2/2014, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 327/QĐ-BNN-KH phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/1/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, trong đó đề ra các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể. Để triển khai các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết, Lãnh đạo Bộ NN&PTNT đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu, xây dựng trình Chính phủ ban hành nhiều văn bản pháp luật, chính sách, chiến lược, đề án nhằm thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT, bao gồm: Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Thủy sản (sửa đổi) số 18/2017/QH14; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1693/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) ngành NN&PTNT đến năm 2030, định hướng đến năm 2050...

Cùng với đó, Bộ cũng ban hành nhiều thông tư, chương trình, đề án hướng dẫn và triển khai các nội dung về ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên, BVMT; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu lực, hiệu quả Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đặc biệt, tổ chức thực hiện 2 đề án quan trọng của Thủ tướng Chính phủ là: Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH giai đoạn 2015 - 2020, Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025, nhằm góp phần BVMT sinh thái, cải thiện cảnh quan, ứng phó với BĐKH, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển bền vững đất nước.

### a) Thích ứng với BĐKH và phòng chống, giảm nhẹ thiên tai

Về thích ứng với BĐKH, việc chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất thích ứng với BĐKH đã được đề ra trong Kế hoạch hành động của ngành NN&PTNT ứng phó với BĐKH giai đoạn 2016 - 2020. Một số giống lúa thích nghi với điều kiện úng ngập, chịu mặn, chịu phèn... đã được nghiên cứu, ứng dụng như bộ giống lúa thích nghi với điều kiện úng ngập U17, U20 và U21; các giống chịu mặn như M6; các giống chịu phèn như Tép lai; các giống chịu hạn như CH2, CH3, CH5, CH133 (Viện Cây lương thực, thực phẩm); các giống thuộc seri LC (của Viện Khoa học Nông nghiệp Miền Nam và Viện Bảo vệ Thực vật). Nhiều biện pháp canh tác thích ứng với BĐKH cũng đã được nghiên cứu, triển khai như 1 phải 6 giảm đối với canh tác lúa, xen canh, tằm-lúa....

Về phòng chống thiên tai, công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai được đẩy mạnh; nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về phòng chống thiên tai đã dần được cải thiện. Công tác thông tin truyền thông đã có nhiều thay đổi, đóng góp hiệu quả trong việc cảnh báo diễn biến thiên tai. Bộ NN&PTNT đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn các kỹ năng phòng tránh kịp thời đến cộng đồng; cung cấp các trang thiết bị chuyên dùng và phục vụ tốt hoạt động phòng chống thiên tai. Cụ thể năm 2017, Bộ đã gửi tin nhắn đến 28 triệu số điện thoại trong vùng thiên tai. Riêng tin nhắn về bão và mưa lũ đã gửi đến 25,8 triệu thuê bao. Ứng dụng zalo đã thiết lập kênh "Phòng chống thiên tai Việt Nam" như một kênh truyền tin tức trực tuyến cảnh báo thiên tai đến người dân theo thời gian thực và dễ dàng xác định vị trí của người gửi tin.



Cơ sở hạ tầng về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH được quan tâm đầu tư. Các khu neo đậu tàu thuyền tránh bão được quan tâm đầu tư với 83/146 khu đã được hoàn thành. Thiệt hại do thiên tai trong giai đoạn 2008 - 2017 đã giảm 38% về người và 29% về vật chất so với giai đoạn 1998 - 2007; giai đoạn 2018 - 2022 giảm 18% về người, 34% về vật chất so với giai đoạn 2013 - 2017. Công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ từng bước được tăng cường, góp phần khắc phục các thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.

Chương trình bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu quả khai thác các hồ chứa được thực hiện từ năm 2003; đến tháng 8/2023, ngành Thủy lợi cả nước đã sửa chữa hơn 1.500 hồ chứa lớn có dung tích 3 triệu m<sup>3</sup> trở lên, với tổng kinh phí khoảng 30.000 tỷ đồng. Trong năm 2016, dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập cũng đã được triển khai cho giai đoạn 2016 - 2022 tại 34 tỉnh ở Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên đã được khởi động. Bên cạnh đó, đã đầu tư xây dựng mới các hồ chứa lớn ở các tỉnh Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, bảo đảm tưới tiêu và góp phần ứng phó hiệu quả với các tác động của BĐKH.

Hệ thống các công trình thủy lợi trên cả nước tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; đã xây dựng mới các hồ chứa nhỏ, cụm đập dâng ở miền núi phía Bắc; sửa chữa, nâng cấp các hệ thống thủy nông ở đồng bằng Bắc Bộ; hoàn thiện, khép kín các hệ thống thủy nông, mở rộng kênh tiêu thoát lũ, cống điều tiết ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Các chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam được thực hiện từ năm 2006; Quảng Ngãi đến Kiên Giang từ 2009; ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý đê điều.

Quy hoạch phòng, chống lũ của hệ thống sông Đáy; sông Hồng - Thái Bình đã được ban hành và triển khai thực hiện, sửa đổi vào năm 2023; một mặt, để phòng chống lũ, đồng thời giúp khai thác, quản lý hiệu quả quỹ đất ven sông. Đến nay, lưu vực sông (LVS) Hồng - Thái Bình gần như không còn bị ảnh hưởng bởi lũ; các LVS Mã, Cả, Hương được bảo đảm an toàn trước lũ lớn; tại các LVS thuộc Nam Trung bộ, Tây Nguyên đã chuyển dần từ thể bị động sang chủ động "phòng, tránh và thích nghi" với lũ; vùng ĐBSCL chủ động "sống chung" với lũ.

#### **b) Về quản lý tài nguyên**

##### *- Bảo vệ và phát triển rừng*

Rừng vừa là tài nguyên, vừa là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, là thành phần môi trường quan trọng, tài sản, nguồn lực to lớn cho phát triển bền vững KT-XH của đất nước, đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH), ứng phó với BĐKH. Để đóng góp vào phát triển kinh tế và bảo vệ rừng, cũng như phục hồi môi trường, ngành NN&PTNT đã tiếp cận theo ba trụ cột liên quan chặt chẽ với nhau, đó là: (1) Ngăn chặn suy thoái diện tích rừng tự nhiên hiện có; (2) Phục hồi diện tích đất chưa rừng, nhưng có khả năng phát triển rừng và mở rộng mô hình

nông, lâm kết hợp; (3) Sử dụng bền vững vốn rừng cho mục đích kinh tế xanh.

Với hướng tiếp cận trên, ngành NN&PTNT nói chung và Lâm nghiệp nói riêng đã chủ động đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên, BVMT. Theo đó, ngành tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn ĐDSH, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản trị thông tin truyền thông phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường truyền thông với nội dung và hình thức phong phú. Các hoạt động giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng, trong đó chú ý đến yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ rừng của người dân, vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết, thực hiện các quy ước bảo vệ rừng.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững, Bộ NN&PTNT đã kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lâm nghiệp, dẫn hoàn thiện khung pháp lý để các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời, tạo cơ chế thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. Đồng thời, Bộ đã nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng; thu hút đầu tư vào lâm nghiệp, quản lý rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng, thị trường mua bán tín chỉ các-bon rừng; nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm từ Trung ương đến địa phương; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp; phát triển nông lâm kết hợp và lâm sản ngoài gỗ, giúp tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng.

Bên cạnh đó, đã tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn ĐDSH, sử dụng, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; thực hiện các hoạt động giảm phát thải KNK thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon, quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+). Xác định việc phục hồi rừng tự nhiên là một nhiệm vụ quan trọng, Bộ đã tiến hành nhiều giải pháp cụ thể như phục hồi rừng bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản, tạo động lực cho đầu tư, phát triển rừng trồng để thay thế gỗ rừng tự nhiên. Đặc biệt, thúc đẩy hợp tác, hội nhập quốc tế và tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT, qua đó, cải thiện khả năng phòng hộ, tăng cường dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn ĐDSH, tiếp cận và hình thành



thị trường các-bon rừng, đóng góp cho phát triển kinh tế xanh, GDP xanh của đất nước.

Bộ NN&PTNT đã xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu gốc và cập nhật, công bố diễn biến rừng hàng năm. Đến hết năm 2022, hiện trạng rừng toàn quốc gồm 14.790.075 ha, trong đó, rừng tự nhiên là 10.134.082 ha, rừng trồng là 4.655.993 ha. Diện tích rừng đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ là 13.926.043 ha. Diện tích 3 loại rừng gồm: rừng đặc dụng là 2.198.086 ha, rừng phòng hộ là 4.655.993 ha, rừng sản xuất là 7.882.531 ha.

Kết quả thực hiện Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015) cho thấy, cả nước đã thực hiện 140 dự án bảo vệ và phát triển rừng ven biển từ nhiều chương trình, nguồn vốn khác nhau. Qua đó, bảo vệ được 295.164 ha rừng ven biển. Tổng diện tích trồng rừng 22.390 ha, trong đó có gần 72% là rừng trồng mới. Diện tích rừng ngập mặn ven biển trên cả nước đã tăng từ 168.688 ha năm 2012 lên gần 178.777 ha năm 2022.

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã được quy định và đem lại nhiều kết quả. Tiền DVMTR thu được giai đoạn 2017 - 2022 thông qua hệ thống Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng đạt 16.698 tỷ đồng, tăng 156% so với kết quả thu được giai đoạn 2011 - 2016 (giai đoạn 2011 - 2016 đạt 6.511 tỷ đồng); bình quân trên 2.780 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 60% tổng đầu tư cho ngành Lâm nghiệp. Riêng năm 2022, tính đến ngày 31/10, đạt khoảng 2.544 tỷ đồng. Số tiền thu được từ chi trả DVMTR hiện nay đã cao hơn 1,5 lần so với tổng mức đầu tư từ ngân sách và tương đương với khoảng trên 20% tổng đầu tư của toàn xã hội vào ngành Lâm nghiệp.

Công tác trồng rừng được triển khai tích cực, bình quân hàng năm trồng hơn 227.500 ha rừng trồng tập trung (bao gồm trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác), trong đó 90% là rừng sản xuất. Diện tích rừng trồng đến năm 2020 đạt hơn 4,3 triệu ha; tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đã tăng từ 40,7% năm 2012 lên 42,02% năm 2022.

Công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng có nhiều tiến bộ, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm cả về số vụ và mức độ thiệt hại. Giai đoạn 2017 - 2022, cả nước đã phát hiện và xử lý 1.928 vụ cháy rừng; diện tích bị ảnh hưởng khoảng 8.631 ha, giảm 1.236 vụ (giảm 39%); diện tích bị ảnh hưởng giảm 4.358 ha (giảm 34%). Số vụ vi phạm pháp luật giảm rõ rệt, từ khoảng 27.265 vụ/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 xuống 16.600 vụ/năm giai đoạn 2016 - 2020; nhiều vụ phá rừng tự nhiên quy mô lớn đã được phát hiện và xử lý.

- *Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm an ninh nguồn nước (ANNN)*

Với mục đích bảo đảm mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận sử dụng nước, công bằng, hợp lý, Bộ NN&PTNT đã xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước; phát huy

vai trò của người dân trong việc chủ động, tích trữ nước; phổ biến kinh nghiệm tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, kỹ thuật thâm canh lúa theo hướng sử dụng tiết kiệm nước, qua đó, giúp thay đổi hành vi, thói quen sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, hiệu quả trong cộng đồng. Nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước đã được triển khai; các chính sách tưới tiêu tiết kiệm nước trong nông nghiệp được ban hành. Đến nay, đã có khoảng 1,32 triệu ha diện tích gieo trồng lúa, 276.000 ha đất cây trồng cạn được áp dụng kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm.

Những năm qua, với nhiều giải pháp phi công trình và công trình, Bộ NN&PTNT đã chủ động phát triển, tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, cấp, tiêu, thoát nước phục vụ dân sinh và phát triển KT - XH; từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước, BĐKH và mất ANNN. Cụ thể, Bộ đã đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình điều tiết mặn, ngọt, dâng nước, trữ nước, liên kết nguồn nước; xây dựng các hồ chứa nước phục vụ đa mục tiêu như: hồ La Ngà 3 (Bình Thuận), Đồng Điền (Khánh Hòa), Ô Lâu Thượng (Thừa Thiên Huế), Thác Muối (Nghệ An)...; rà soát, sửa đổi quy trình vận hành liên hồ chứa trên các LVS để phù hợp với thực tiễn vận hành, đảm bảo đáp ứng hài hòa nhu cầu dùng nước của các địa phương; tăng cường kiểm tra, rà soát phương án hộ đê, bảo vệ các vị trí xung yếu trọng điểm; xây dựng và vận hành hệ thống đánh giá, dự báo, cảnh báo nguy cơ mất ANNN, an toàn đập, hồ chứa nước theo thời gian thực; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu, phục vụ phát triển KT - XH và dân sinh.

Cùng với đó, Bộ NN&PTNT đã triển khai nhiều hoạt động tăng cường BVMT, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo vệ nguồn thủy sinh: Thực hiện kiểm soát, giám sát các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, công trình thủy lợi; đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; quản lý chặt chẽ chất lượng nguồn nước mặt, nước dưới đất, nhất là ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, ô nhiễm, sụt lún đất; phục hồi, bảo vệ các khu vực, tầng chứa nước dưới đất bị suy giảm mực nước, ô nhiễm, nhiễm mặn thông qua các biện pháp quản lý, bổ sung nhân tạo, bổ cập nước dưới đất; vận hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá ANNN theo lĩnh vực, LVS, vùng kinh tế và toàn quốc trên cơ sở nền tảng công nghệ, kỹ thuật hiện đại gắn với chuyển đổi số; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo đảm ANNN, an toàn đập, hồ chứa nước; thực thi hiệu quả các cam kết, điều ước liên quan đến ANNN, quản trị và chia sẻ nguồn nước quốc tế, đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên biên giới, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác ở các cấp (ngành, quốc gia, khu vực, toàn cầu).



### - Phòng chống sa mạc hóa

Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa đã được triển khai từ năm 2006; cơ sở dữ liệu về sa mạc hóa, các vùng có nguy cơ cao về sa mạc hóa và suy thoái đất như Tây Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung bộ và ĐBSCL đã được xây dựng; xây dựng báo cáo quốc gia định kỳ 2 năm/lần cho Công ước chống sa mạc hóa của Liên hợp quốc (UNCCD). Các mục tiêu tự nguyện cân bằng suy thoái đất tại Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Bộ NN&PTNT thiết lập. Nhiều mô hình nông - lâm kết hợp với mục tiêu canh tác bền vững, bảo vệ đất dốc tại khu vực Tây Bắc; chương trình sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống, đồi núi trọc, tạo việc làm cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư đã được thực hiện.

### - Phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Thực hiện Luật Thủy sản 2017, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS ngày 2/5/2019 và Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/3/2021 về việc giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi cho 28 tỉnh ven biển và 3 tỉnh là Long An, Cần Thơ và Vĩnh Long. Tổng số đã cấp 31.297 giấy phép, trong đó 29.572 giấy phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản; 1.770 giấy phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

Việc kiểm soát các hoạt động khai thác hải sản mang tính hủy diệt tiếp tục được quy định tại Luật Thủy sản 2017; mức xử phạt vi phạm tăng lên 1 tỷ đồng; các hoạt động thanh tra, kiểm tra giai đoạn 2012 - 2019 được đẩy mạnh. Kế hoạch hành động quốc gia về ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025 (Quyết định số 78/QĐ/TTg ngày 18/1/2018) đã được ban hành. Bộ NN&PTNT cũng ban hành quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác (Thông tư số 50/TT-BNN&PTNT ngày 30/12/2015). Nhiều hoạt động tuyên truyền, tập huấn về chứng nhận, xác nhận thủy sản xuất khẩu, không khai thác bất hợp pháp và vi phạm vùng biển nước ngoài đã được tổ chức. Một số tỉnh đã thiết lập đường dây nóng bảo vệ nguồn lợi thủy sản, mạng lưới giám sát thông qua tổ chức cộng đồng như Quảng Ninh, Nghệ An...

Theo thống kê năm 2022, cả nước có 27.503 tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) và 100% có phương tiện thông tin liên lạc. Hệ thống giám sát tàu cá, cơ sở dữ liệu giám sát tàu cá đã được kết nối, chia sẻ, triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, đồng thời phân quyền truy cập cho các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan của Bộ Quốc phòng.

### c) Bảo vệ môi trường

Ngành NN&PTNT đã tham gia tích cực trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH và đạt nhiều kết quả quan trọng. Cụ thể, cảnh quan, vệ sinh môi trường nông thôn có sự chuyển biến vượt bậc, làm thay đổi diện mạo nông thôn do thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về nông thôn mới. Đến hết

năm 2022, cả nước có 6.009/8.225 xã (~73,06%) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 78,5% số xã đạt tiêu chí môi trường; 255 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/xây dựng nông thôn mới, đạt tỷ lệ 39,6% tổng số đơn vị cấp huyện trên cả nước. Hoạt động cung cấp nước sạch tiếp tục được thực hiện đồng bộ, mang lại hiệu quả cao; đến năm 2022, có 92,5% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tăng 12% so với năm 2012 (80,5%), 51% được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.

Về bảo tồn ĐDSH, số lượng khu bảo tồn thiên nhiên đã tăng lên về số lượng và diện tích. Đến năm 2022, nước ta có 178 khu bảo tồn thiên nhiên, trong đó có 34 vườn quốc gia; 59 khu dự trữ thiên nhiên; 23 khu bảo tồn loài và sinh cảnh; 62 khu bảo vệ cảnh quan. Từ năm 2012 đến nay, cũng đã có 9 khu Ramsar (tăng 5 khu), 12 vườn di sản ASEAN và 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới (tăng 3 khu); một số địa phương đã và đang xây dựng hồ sơ đề cử các khu Ramsar và khu dự trữ sinh quyển thế giới. Về khu bảo tồn biển, tính đến hết năm 2022, đã có 10 khu bảo tồn biển và vùng biển thuộc vườn quốc gia được thành lập và quản lý, với diện tích 187.810,93 ha, chiếm khoảng 0,19% diện tích vùng biển tự nhiên.

Tiêu chí xác định loài và Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ (gồm 28 loài thực vật, 99 loài động vật, 15 giống cây trồng và 6 giống vật nuôi) đã được điều chỉnh, bổ sung. Việc bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ như các loài linh trưởng, voi, hổ, sao la và các loài thủy sinh... được triển khai thông qua các đề án, kế hoạch. Về bảo tồn nguồn gen, nước ta đã tham gia Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích vào năm 2014, được luật hóa và triển khai. Công tác thu thập, lưu giữ bảo tồn nguồn gen được thực hiện; đến năm 2020, đã thu thập được tổng cộng 88.968 nguồn gen, tăng 3,12 lần so với năm 2010.

Việc kiểm soát xâm nhập của các loài ngoại lai xâm hại, đã lập và công khai Danh mục các loài ngoại lai xâm hại, có nguy cơ xâm hại. Hệ thống quản lý an toàn sinh học (ATSH) đối với sinh vật biến đổi gen đã đi vào vận hành, bảo đảm 100% cây trồng biến đổi gen được đánh giá và cấp giấy chứng nhận ATSH trước khi đưa ra trồng trọt; thực phẩm, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen được đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường.

## 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VỚI BĐKH, QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BVMT TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của BĐKH, suy thoái của môi trường sống không chỉ tác động tiêu cực đến chất lượng sống của người dân, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Mặc dù, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên



▲ Rừng phòng hộ được bảo vệ bằng các kè chắn sóng ven biển tại Cà Mau

và BVMT đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, thế giới đang phải đối mặt với các thách thức mới, BĐKH diễn ra nhanh và phức tạp hơn so với dự báo, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh môi trường, lương thực trên Trái đất; ĐDSH toàn cầu suy giảm nghiêm trọng với sự suy thoái các hệ sinh thái và kỳ tuyệt chủng lần thứ 6 đang đến; ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng... Tất cả những thách thức đó là nỗi lo của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp đột phá, tổng thể, toàn diện và đổi mới.

Để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT trong thời gian tới, Bộ NN&PTNT đề xuất một số kiến nghị sau:

#### a) Ứng phó với BĐKH

Về thích ứng với BĐKH, cần tiếp tục chú trọng phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH, nâng cao khả năng phòng chống thiên tai. Thực hiện điều tra, đánh giá di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững. Xây dựng và thực hiện Đề án tổng thể phòng chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún vùng ĐBSCL. Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thực hiện Đề án cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam và Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với BĐKH trên địa bàn vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ.

Về giảm nhẹ phát thải KNK, cần chú trọng nâng cao khả năng hấp thụ của các hệ sinh thái tự nhiên. Thực hiện các hoạt động giảm phát thải trong trồng trọt, chăn nuôi, giảm phát thải khí mê-tan.

#### b) Quản lý tài nguyên

Về tài nguyên rừng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các

cộng đồng địa phương; đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Triển khai các hoạt động sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước; phát triển hệ thống thủy lợi phù hợp với điều kiện BĐKH. Chủ động tích trữ lũ ngọt với quy mô từng vùng, từng LVS nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô ở các vùng Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, đảm bảo ANNN.

Về đất đai, cần đẩy mạnh hoạt động điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; hạn chế tình trạng suy thoái đất, nhiễm mặn đất, sa mạc hóa; bảo vệ, cải tạo, phục hồi diện tích đất bị thoái hóa gắn với BVMT và phát triển bền vững.

Về tài nguyên biển và hải đảo, cần tiếp tục điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản ở các vùng biển và vùng nước nội địa; mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi hệ sinh thái biển. Thực hiện kế hoạch hành động về giảm khai thác, đánh bắt cá trái phép, không báo cáo và không được quản lý (IUU).

#### c) Bảo vệ môi trường

Cần chú trọng bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt các hệ sinh thái rừng, rạn san hô, thảm cỏ biển; tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ gồm: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội; nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp; (2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT; (3) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT; (4) Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế cho ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT; (5) Thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ứng dụng khoa học, công nghệ, thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tiên tiến; (6) Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT ■